

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH
Năm báo cáo: 2016

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3900309621
- Vốn điều lệ: 127.880.000.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 127.880.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Phường Ninh Sơn, Thành Phố Tây Ninh.
- Số điện thoại: 066.3624022 – 0663.823448.
- Số fax: 0663.823448.
- Website: www.catour.com.vn.
- Mã cổ phiếu: TCT.

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh tiền thân là Bộ phận Cáp treo trực thuộc Công ty Du lịch Tây Ninh (nay là Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Tây Ninh). Bộ phận cáp treo chính thức đi vào hoạt động ngày 08/03/1998 với chức năng kinh doanh chủ yếu là vận chuyển du khách, hàng hóa từ chân núi lên Chùa Bà bằng cáp treo và ngược lại.

Trước xu thế hội nhập cũng như yêu cầu của việc mở rộng sản xuất kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh cho bộ phận Cáp treo, lãnh đạo Công ty Du lịch Tây Ninh quyết định tách bộ phận Cáp treo để thành lập một đơn vị độc lập dưới hình thức Công ty cổ phần trong đó Nhà nước nắm cổ phần chi phối. Ngày 10/01/2001 bộ phận Cáp treo của Công ty Du lịch Tây Ninh chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh theo Quyết định số 15/QĐ-CT của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh với vốn điều lệ ban đầu là 15.985.000.000 đồng trong đó phần vốn Nhà nước là 8.152.600.000 đồng, chiếm 51%. Việc chuyển sang hình thức Công ty cổ phần là một bước ngoặt lớn trong quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh. Từ đây, hoạt động của Công ty dần đi vào ổn định và từng bước phát triển.

- Thời điểm niêm yết:

Ngày 06/12/2006, cổ phiếu của Công ty được chính thức niêm yết trên Sàn Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh với Mã chứng khoán là TCT. Đây là sự kiện lớn khẳng định bước đầu của sự thành công và quyết tâm không ngừng xây dựng Công ty ngày càng lớn mạnh.

- Thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:

Ngày 14/02/2001, Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh tiếp nhận dự án máng trượt từ Công ty Du lịch Tây Ninh theo Quyết định số 49/QĐ-CT của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tây Ninh và khởi công công trình vào ngày 20/10/2001. Trong vòng chưa đầy 1 năm sau, công trình máng trượt đã được khánh thành và đưa vào sử dụng ngày 26/04/2002, vận chuyển du khách và hàng hoá bằng máng trượt trở thành hoạt động kinh doanh chủ yếu thứ hai của Công ty sau khi hệ thống cáp treo được đưa vào khai thác thành công..

Trước việc tăng trưởng quá lớn về số lượng khách đến Núi Bà Đen, công suất hoạt động của hai hệ thống cáp treo và máng trượt hiện có cũng không thể đáp ứng được nhu cầu của du khách nên Công ty đã đầu tư thêm một hệ thống cáp treo loại cáp đơn tuần hoàn có bộ phận kẹp mở cáp tự động công nghệ Châu Âu, cabin 8 chỗ ngồi loại LW1, công suất thiết kế 2.400 lượt khách/ giờ, công suất lắp đặt ban đầu 1.800 lượt khách/ giờ với tổng vốn đầu tư khoảng 150 tỷ đồng. Hệ thống cáp treo mới chính thức hoạt động ngày 10/02/2013, hiệu quả kinh doanh mang lại rất cao và đáp ứng được chiến lược công ty đã đề ra là “Phát triển bền vững, tạo lợi nhuận cao nhất cho cổ đông”.

Sau hơn 15 năm hoạt động và phát triển hiện nay Công ty là một trong những đơn vị hoạt động có hiệu quả nhất tại tỉnh Tây Ninh nói riêng và cả nước nói chung, vốn điều lệ ban đầu là: 15.985.000.000 đồng, đến năm 2014 được nâng lên thành: 127.880.000.000 đồng.

- Các sự kiện khác:

Sau nhiều năm thuê Văn phòng làm việc, hiện nay Công ty đã đầu tư và đưa vào sử dụng Văn phòng làm việc mới trong Khu Du lịch Quốc gia Núi Bà Đen tạo môi trường làm việc tốt, ổn định và tăng năng suất lao động; dự án đầu tư nâng cấp hệ thống máng trượt đang được tiến hành triển khai thực hiện, và quy hoạch chi tiết Khu du lịch tham quan nghỉ dưỡng đỉnh núi Bà Đen đã được UBND tỉnh phê duyệt. Qua đó, hiệu quả kinh doanh sẽ được gia tăng trong thời gian tới.

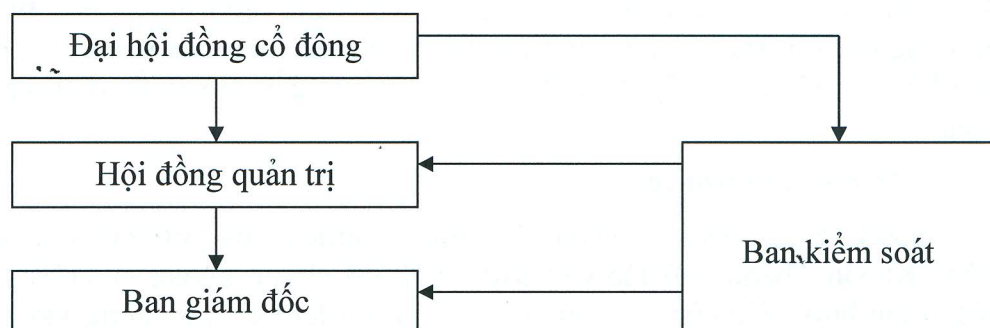
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Vận chuyển khách bằng phương tiện cáp treo và máng trượt.

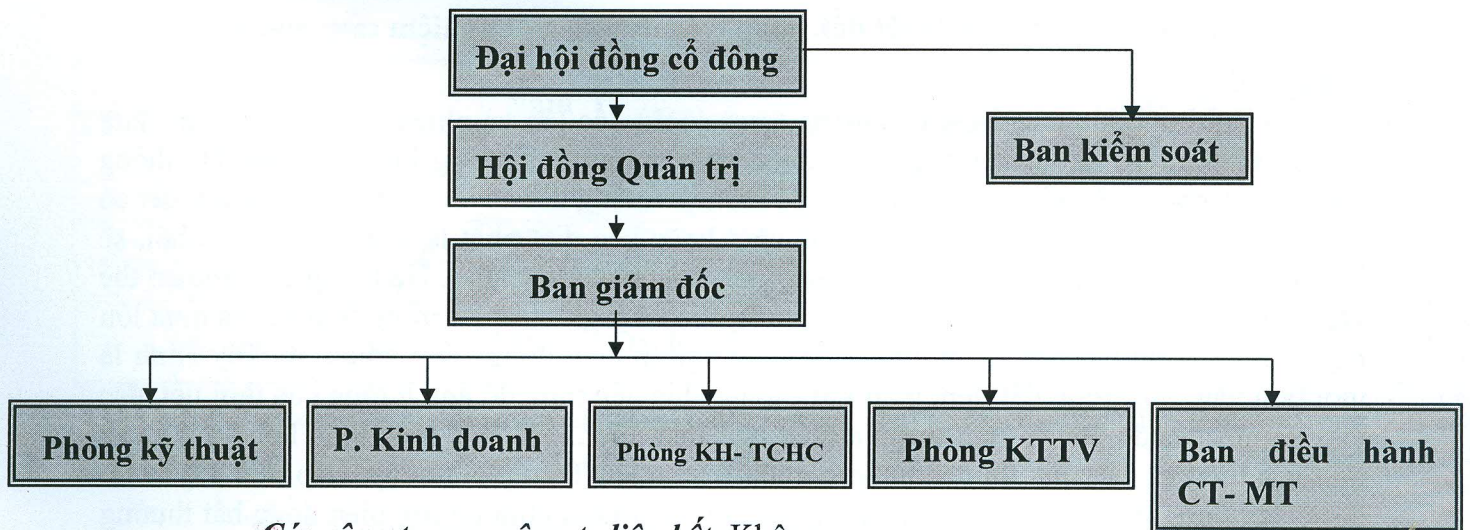
- Địa bàn kinh doanh: Khu Du lịch Quốc gia Núi Bà Đen (Phường Ninh Sơn, Thành phố Tây Ninh).

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:



- Cơ cấu bộ máy quản lý:



- Các công ty con, công ty liên kết: Không.

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, hiện đại, nâng cao năng lực kinh doanh, phát triển và mở rộng liên doanh, liên kết với các đối tác trong và ngoài tỉnh để phát triển kinh doanh trong thời gian tới.

Tập trung đầu tư các loại hình dịch vụ vui chơi, giải trí tại Khu Du lịch Quốc gia Núi Bà Đen theo định hướng phát triển du lịch của tỉnh đến năm 2025.

Phấn đấu thực hiện hoàn thành chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Tiếp tục xây dựng và phát triển Công ty, giữ vững thương hiệu “Cáp treo Núi Bà Đen”, lấy hiệu quả kinh tế là thước đo cho sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty. Tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống máng trượt và hệ thống cáp treo Trung quốc loại 02 chỗ ngồi và duy trì khai thác tốt các loại hình dịch vụ hiện có, đồng thời mở rộng qui mô kinh doanh trong các lĩnh vực, phấn đấu khai thác từ 60% - 70% lượng đến tham quan tại Khu Du lịch Quốc gia Núi Bà Đen, qua đó nâng cao hiệu quả kinh doanh, đáp ứng sự kỳ vọng của các cổ đông và đóng góp ngân sách cho tỉnh nhà.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

- Trách nhiệm đối với môi trường: Thực hiện tốt phương châm “Bảo vệ môi trường chính là bảo vệ sự sống của chúng ta”, song song đó chú trọng giữ gìn môi trường “Xanh, sạch, đẹp” để phát triển du lịch bền vững, góp phần thu hút khách đến với Khu Du lịch Quốc gia Núi Bà Đen.
- Trách nhiệm với khách hàng: Thỏa mãn tối đa nhu cầu của quý khách hàng trên cơ sở cung cấp những sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao nhất.
- Trách nhiệm với cổ đông: Tạo lập và nâng cao giá trị bền vững dựa trên sự minh bạch về tài chính, bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo cổ tức cho các cổ đông và tuân thủ tốt quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- Trách nhiệm với cộng đồng: Mang lại giá trị cho cộng đồng, cho xã hội, đồng thời cam kết thực hiện tốt nghĩa vụ tài chính đối với ngân sách nhà nước.

SLOGAN: “An toàn tuyệt đối, cùng trên đường trải nghiệm cảm giác mới”.

6. Các rủi ro:

- Thời tiết: Do đặc điểm của máng trượt có độ dốc lớn và nhiều khúc cua nên để đảm bảo an toàn cho du khách, máng trượt buộc phải ngưng hoạt động khi trời mưa. Hệ thống máng trượt chỉ có thể phục vụ khách khi bề mặt của máng hoàn toàn khô ráo. Nếu thời tiết có những diễn biến bất thường như mưa bất chợt hoặc kéo dài, nhất là trong các dịp lễ hội, sẽ làm ảnh hưởng đến doanh thu và kế hoạch kinh doanh của Công ty. Hệ thống cáp treo có thể vận hành trong lúc trời mưa với điều kiện mưa nhẹ và ít gió, trong trường hợp xảy ra mưa lớn hay gió mạnh thì hệ thống cáp treo buộc phải ngưng hoạt động. Tuy nhiên, do Tây Ninh là một tỉnh nằm sâu trong đất liền, giáp với Campuchia nên mức độ ảnh hưởng của thời tiết, đặc biệt là thời tiết do ảnh hưởng từ phía biển như bão, lốc ... luôn ở mức thấp hơn so với các tỉnh ven biển và các tỉnh thuộc khu vực miền Bắc, miền Trung. Như vậy, Cáp treo Tây Ninh được xây dựng ở một nơi có khí hậu khá ôn hòa và ít phải chịu những biến động bất thường của thời tiết, nên những rủi ro về thời tiết có thể được hạn chế phần nào.

- Thiên tai: Các rủi ro thiên tai như động đất, bão lụt, núi lửa ... là những rủi ro mang tính bất khả kháng, dù ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu có thì sẽ gây thiệt hại to lớn đối với con người, tài sản, máy móc thiết bị và tình hình hoạt động chung của Công ty.

- Kỹ thuật vận hành: Nếu một khâu nào đó trong dây chuyền vận hành cáp treo và máng trượt không thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật và nguyên tắc an toàn, hoặc do sơ suất từ phía du khách thì tai nạn có thể xảy ra và hậu quả sẽ rất nghiêm trọng vì cáp treo và máng trượt đều có độ cao so với mặt đất. Tai nạn xảy ra có thể ảnh hưởng đến uy tín của Công ty, đồng thời số lượng khách đi cáp treo và máng trượt sẽ sụt giảm. Để hạn chế những thiệt hại do rủi ro này gây ra, đã chuẩn mực hóa quy trình vận hành và mua bảo hiểm tai nạn cho du khách tham gia dịch vụ. Việc quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO cũng đã làm giảm nguy cơ xảy ra tai nạn do sơ suất của nhân viên vận hành. Đồng thời cũng chú trọng huấn luyện cho nhân viên về kỹ năng cứu hộ, trang bị đầy đủ các phương tiện cần thiết để phục vụ cho công tác cứu hộ khi có tai nạn. Việc xây dựng, lắp đặt và vận hành cáp treo, máng trượt luôn tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu kỹ thuật, cán bộ công nhân viên có tinh thần trách nhiệm cao, do đó đã đảm bảo được an toàn tuyệt đối cho du khách kể từ ngày khai trương hoạt động cho tới nay.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

2. ĐVT: 1.000 đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2015	So sánh %	
					KH	CK
1	Doanh thu thuần	131.500.000	145.785.004	182.247.009	110.86	-20
2	Lợi nhuận trước thuế	77.600.000	86.514.722	74.020.885	111.49	+16.88
3	Cổ tức (%)	25	45	25		

3. *Ghi chú: Do cùng kỳ năm 2015 có hạch toán doanh thu đại lý bia (58.029.653.893 đồng), trong khi đó năm 2016 không có nên doanh thu thực hiện năm 2016 giảm 20% so với cùng kỳ năm 2015.*

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ công tác	Số cổ phần sở hữu
1	Trần Trung Kiên	1967	Đại học Tài Chính Kế Toán	Giám đốc	0
2	Nguyễn Huy Cường	1975	Kỹ sư cơ khí động lực	Phó giám đốc	0
3	Nguyễn Văn Sinh	1965	Đại học Tài Chính Kế Toán	Phó giám đốc	0
4	Trần Thị Song Giang	1966	Đại học Tài Chính Kế Toán	Kế toán trưởng	0

- Những thay đổi trong ban điều hành: Trong năm không có thay đổi nhân sự trong ban điều hành.

- Số lượng cán bộ, nhân viên:

STT	Đối tượng	Số đầu kỳ	Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ
			Tăng	Giảm	
1	Ban giám đốc	03	0	0	03
2	Phòng KH-TCHC	40	5	0	45
3	Phòng Kinh Doanh	24	0	3	21
4	Phòng Kỹ thuật	20	1	0	21
5	Phòng Kế toán Tài vụ	06	0	0	06
6	Bộ phận cấp treo – máng trượt	38	3	0	41
	Tổng cộng	131	9	3	137

- **Chính sách đối với người lao động:** Thực hiện đầy đủ chính sách đối với người lao động. Ngoài tiền lương chính người lao động còn được thưởng thêm 1 tháng lương, trích bổ sung quỹ lương từ phần lợi nhuận vượt kế hoạch trong năm 2016.

Nhìn chung, do thực hiện chế độ đầy đủ nên người lao động an tâm công tác, cống hiến hết sức mình vào sự phát triển chung của Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Các khoản đầu tư lớn: Không.
- Các công ty con, công ty liên kết: Không.

4. Tình hình tài chính

- Tình hình tài chính:**

ĐVT: 1.000 đồng.

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	225.804.061	253.365.718	+12,21
Doanh thu thuần	182.247.009	145.785.004	-20
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	73.853.432	86.271.502	+16,81
Lợi nhuận khác	167.453	243.220	+45,25
Lợi nhuận trước thuế	74.020.885	86.514.722	+16,88
Lợi nhuận sau thuế	57.725.912	69.152.641	+19,79
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	25% VĐL	45% VĐL	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	9,29 lần	14,74 lần	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	8,99 lần	14,29 lần	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	5,04 %	3,83%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	5,30 %	3,99%	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân Doanh thu thuần/Tổng tài sản	78,07 %	54,28%	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	32,74 %	50,28%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	45,14 %	54,08%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	25,88 %	28,86%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	38,62 %	57,79%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 12.788.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 12.788.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 0 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Danh mục	SL Cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu %	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (người)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	-	0.00%	-	-	-
2	Cổ đông sáng lập	-	0.00%	-	-	-
	- Trong nước	-	0.00%	-	-	-
	- Nước ngoài	-	0.00%	-	-	-
3	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% cp trở lên)	9,767,640	76.38%	4	4	-
	- Trong nước	8,568,040	67.00%	3	3	-
	- Nước ngoài	1,199,600	9.38%	1	1	-
4	Công đoàn Công ty	-	0.00%	-	-	-
	- Trong nước	-	0.00%	-	-	-
	- Nước ngoài	-	0.00%	-	-	-
5	Cổ phiếu quỹ	-	0.00%	-	-	-
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	-	0.00%	-	-	-
7	Cổ đông khác	3,020,360	23.62%	684	30	654
	- Trong nước	2,284,900	17.87%	630	18	612
	- Nước ngoài	735,460	5.75%	54	12	42
TỔNG CỘNG		12,788,000	100.00%	688	34	654
	Trong đó: - Trong nước	10,852,940	84.87%	633	21	612
	- Nước ngoài	1,935,060	15.13%	55	13	42

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm không tăng vốn cổ phần thông qua việc chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e) Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu: Do hoạt động kinh doanh chính là vận vậ tải khách bằng phương tiện cáp treo và máng trượt nên không có nguyên vật liệu đầu vào, vật liệu tái chế để sản xuất.

6.2. Tiêu thụ năng lượng: Năng lượng tiêu thụ trực tiếp của hệ thống cáp treo và máng trượt là điện năng; tùy theo điều kiện trực tiếp, số lượng khách tham gia dịch vụ mà vận hành linh hoạt các hệ thống để tiết kiệm điện năng, góp phần tiết kiệm chi phí.

6.3. Tiêu thụ nước: Công ty đã đầu tư hệ thống ống dẫn nước từ Ga dưới lên Ga trên cáp treo và máng trượt để phục vụ sinh hoạt, tưới tiêu, phòng chống cháy nổ tại Khu Du lịch Quốc gia Núi Bà Đen.

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh cung cấp, lượng nước phát sinh khoảng 12,4 m³/ ngày đêm.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng hầm tự hoại. Hầm tự hoại được đặt âm dưới lòng đất, có chức năng lưu giữ cặn lắng trong điều kiện yếm khí.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Luôn tuân thủ luật pháp và không vi phạm về quy định về bảo vệ môi trường, định kỳ 6 tháng lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, thuê đơn vị chức năng thu gom xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn, bố trí hệ thống hoa kiểng, trồng cây xanh che bóng mát để tạo cảnh mỹ quan chung trong Khu du lịch.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Tổng số lao động tính đến ngày 31/12/2016 là 137 người, mức lương bình quân của người lao động là: 8.738.880 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Căn cứ vào mức trích lập và quy chế quản lý, sử dụng quỹ phúc lợi, Ban Giám đốc đã bàn bạc cùng BCH Công đoàn cơ sở, các phòng nghiệp vụ sử dụng từ nguồn quỹ phúc lợi năm 2016 tập trung chăm lo cho người lao động trong dịp Tết, Lễ; tổ chức cho CB.CNVC tham quan, nghỉ mát, khám bệnh, thăm hỏi khi ốm đau, ma chay, gia đình gặp khó khăn, tham gia bảo hiểm thân thể cho CB.CNVC và tham gia công tác xã hội.

Căn cứ theo Bộ luật lao động, Luật BHXH, BHYT và hợp đồng lao động được ký kết, hàng tháng Công ty trích nộp 22% tiền lương theo mức lương cơ sở để tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho 100% CNVC-LĐ.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

Ban Giám đốc đã cử đi đào tạo lớp Trung cấp lý luận chính trị 03 người và tiếp tục tạo điều kiện về thời gian, kinh phí cho 02 công nhân kỹ thuật nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật từ trung cấp lên cao đẳng, và 02 trường hợp tự theo học các lớp đại học vừa học vừa làm. a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Tích cực tham gia công tác từ thiện xã hội: trích quỹ phúc lợi mua 368 suất quà tết tặng đồng bào nghèo các xã trong tỉnh vui đón tết Bính Thân 2016 số tiền là 110.400.000 đồng; hỗ trợ kinh phí lễ hội Động Kim Quang với số tiền là 10.000.000 đồng; hỗ trợ kinh phí Hội nạn nhân chất độc da cam số tiền là 3.000.000 đồng; hỗ trợ kinh phí xây dựng 02 căn nhà đại đoàn kết số tiền là 70.000.000 đồng; hỗ trợ kinh phí tổ chức hoạt động kỷ niệm 180 năm Tây Ninh hình thành - phát triển (1836-2016) số tiền 80.000.000 đồng; trích 01 ngày lương của CB.CNLD ủng hộ quỹ thiên tai và ủng hộ bảo lụt số tiền (02 đợt trích) trên 34.000.000 đồng. Thực hiện công tác văn hóa - xã hội với tổng số tiền trên 307 triệu đồng.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Phân tích tổng quan

+ Về thuận lợi:

- Đã tạo lập được uy tín thương hiệu và vị thế trong ngành, được sự quan tâm của các cơ quan, ban ngành trong tỉnh, được sự hỗ trợ nhiệt tình của cổ đông lớn là Công ty cổ phần Du lịch-Thương mại Tây Ninh, và có lợi thế độc quyền kinh doanh dịch vụ vận chuyển khách tại Khu di tích lịch sử văn hóa - danh thắng và du lịch núi Bà Đen.

- Mặc dù kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng nhu cầu tham quan du lịch, và hành hương của người dân vẫn tăng, trong đó có Khu Dịch Quốc gia Núi Bà Đen.

- Chính sách cho nghỉ dài ngày trong các đợt Lễ, Tết của Chính phủ đã hỗ trợ hoạt động kinh doanh lữ hành, khi nhu cầu vui chơi giải trí của người dân trong các đợt này gia tăng đáng kể.

- Chất lượng dịch vụ ngày càng được nâng cao, thương hiệu “Cáp treo Tây Ninh” tạo được uy tín đối với khách hàng.

- Do có thời gian chuẩn bị chu đáo trước Hội xuân (tháng giêng âm lịch) nên công tác phục vụ và kỹ thuật đã được đảm bảo tốt, không có sự cố về máy móc và thiết bị, đặc biệt là trong thời gian cao điểm.

- Ban Lãnh đạo quản lý Công ty hiểu rõ và nắm bắt tình hình kinh doanh nên có những chỉ đạo kịp thời, chính xác trong từng thời điểm, giai đoạn nhất định.

- Quy hoạch tổng thể phát triển Khu Du lịch Quốc gia Núi Bà Đen đến năm 2020 là cơ sở pháp lý cho công ty mở rộng kinh doanh và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư lên đỉnh Núi Bà, nhằm định hướng phát triển du lịch và đáp ứng thỏa mãn được nhu cầu về du lịch tâm linh, nghỉ dưỡng và giải trí của du khách trong và ngoài nước.

+ Về khó khăn:

- Khách đến tham quan Khu Du lịch Quốc gia Núi Bà Đen lưu lượng không đồng đều, chủ yếu tập trung khách vào tháng Giêng Âm lịch và các đợt cao điểm trong năm, tốc độ tăng trưởng lượt khách rất thấp, mang tính ổn định tạm thời chưa phù hợp với công suất hoạt động 03 hệ thống cáp treo, máng trượt.

- Thời tiết khu vực Núi Bà Đen chỉ có 02 mùa mưa nắng và kéo dài phân kỳ trong năm có ảnh hưởng trực tiếp đến thời gian hoạt động kinh doanh và nhu cầu sử dụng dịch vụ cáp treo, máng trượt

- Giá cả thị trường của một số loại hàng hóa, vật tư, thiết bị phải mua sắm thường xuyên luôn biến động theo chiều hướng tăng, nhất là điện năng đã ảnh hưởng đến quá trình quản lý điều hành.

- Sự xuất hiện của nhiều khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh đã ảnh hưởng trực tiếp đến công tác tuyển dụng lao động thời vụ trong tháng Hội xuân.

+ Tình hình hoạt động kinh doanh

Trong hoạt động kinh doanh luôn chấp hành tốt đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng và chính sách pháp luật của nhà nước, tổ chức thực hiện tốt nghị quyết của đại hội đồng cổ đông năm 2016, bảo toàn và phát triển vốn kinh doanh, tăng thu nhập CB.CNV, ổn định cổ tức cho cổ đông và làm tốt nghĩa vụ đối với ngân sách.

Nền kinh tế Việt Nam năm 2016 đã trải qua nhiều biến động, tỷ lệ tăng trưởng GDP chỉ đạt 6,21% không đạt chỉ tiêu đề ra. Riêng tăng trưởng ngành bán lẻ tăng 10,2% so với cùng kỳ, nếu loại trừ yếu tố giá thì chỉ tăng 7,8% do sức mua không biến động lớn.

Nhưng bằng sự nỗ lực của Ban giám đốc, sự đoàn kết, gắn bó của CB.CNV, tình hình hoạt động kinh doanh trong năm 2016 khá tốt, các chỉ tiêu doanh thu trong năm 2016 đều tăng so với cùng kỳ năm 2015 và vượt kế hoạch đề ra. Cụ thể như sau:

Đvt: Đồng

STT	DIỄN GIẢI	THỰC HIỆN NĂM 2016	THỰC HIỆN NĂM 2015	SO SÁNH	
				CÙNG KỲ NĂM 2015	KẾ HOẠCH NĂM 2016
I	TỔNG DOANH THU	145.785.004.313	182.247.008.818	-20%	110,86%
1	Cáp treo và máng trượt	132.889.449.960	115.114.290.915	+15,44%	
2	Dịch vụ xe điện	1.487.561.818	2.226.854.546	-33,20%	
3	Lãi tiền gửi ngân hàng	8.005.553.624	5.784.441.952	+38,40%	
4	Quảng cáo	197.204.270	352.229.944	-45,43%	
5	Doanh thu khác	984.095.661	709.537.568	-94,55%	
6	Doanh thu bia	2.221.138.980	58.029.653.893		
II	LNTT	86.514.722.266	74.020.885.213	16,88%	111,49%

Do cùng kỳ năm 2015 có hạch toán doanh thu đại lý bia (58.029.653.893 đồng), trong khi đó năm 2016 không có nên doanh thu thực hiện năm 2016 so với cùng kỳ giảm 20% so với cùng kỳ năm 2015. Tuy nhiên, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bia mang lại là rất thấp nên lợi nhuận trước thuế năm 2016 vẫn tăng 16,88% so với cùng kỳ năm 2015.

b. Những tiến bộ công ty đã đạt được

*** Công tác kinh doanh và hoạt động cổ phiếu TCT trên sàn giao dịch chứng khoán:**

- Tập trung vào kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính đã được Đại hội đồng cổ đông giao, đầu năm Ban giám đốc đã chủ động xây dựng, triển khai và bám sát kế hoạch hàng quý, tháng và có phân kỳ tài chính đi kèm để phân tích, theo dõi và thực hiện đạt được mục tiêu đề ra.

- Thực hiện phối hợp với Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh tổ chức công tác quảng bá hình ảnh dịch vụ cáp treo, máng trượt trên các phương tiện truyền thông đại chúng như báo, đài, website, facebook... nhằm thu hút khách đến tham quan tại Khu Du lịch Quốc gia Núi Bà Đen.

- Tổ chức tốt hoạt động dịch vụ vận chuyển khách bằng phương tiện xe điện để đưa đón khách từ cổng Khu Du lịch Quốc gia Núi Bà Đen đến các nhà ga cáp treo, máng trượt và ngược lại.

- Tổ chức phục vụ tốt lượng khách đến tham gia sử dụng các dịch vụ trong những đợt cao điểm như: Hội xuân Núi Bà, rằm tháng 2 âm lịch, Tết Đoan Ngọ, rằm tháng 7, tháng 8, lễ Quốc Khánh 2/9, ... qua đó nâng cao hiệu quả trong kinh doanh

năm 2016.

- Tiếp tục tổ chức khảo sát lấy ý kiến khách hàng, nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng phục vụ và đáp ứng nhu cầu tham gia sử dụng dịch vụ của khách hàng.

- Tổ chức phối hợp liên kết kinh doanh với các đơn vị lữ hành trong và ngoài tỉnh, nhằm khai thác và phục vụ tốt nhu cầu khách đến Khu Du lịch Quốc gia Núi Bà Đen.

- Tận dụng quỹ đất hiện có để cho thuê mặt bằng kinh doanh, vườn cây ăn trái và chú trọng đến công tác quảng cáo.

- Quản trị tốt dòng tiền và nâng cao hoạt động kiểm soát.

- Tính thanh khoản cổ phiếu TCT được cải thiện khi chuyển về niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM, giao dịch bình quân 10 ngày cuối năm 2016 là 2.347 cổ phiếu/ ngày.

*** Hoạt động đầu tư, xây dựng cơ bản:**

Công tác đầu tư, xây dựng cơ bản được triển khai phù hợp với quy định của Nhà nước, tuân thủ đúng Luật đấu thầu và đưa vào khai thác có hiệu quả. Trong năm đã triển khai một số công tác như sau:

+ Dự án cáp treo nối dài lên đỉnh Núi Bà Đen (gọi tắt là giai đoạn II): Sở Xây dựng đã thẩm định nhiệm vụ và Quy hoạch 1/500 trình UBND tỉnh phê duyệt.

+ Dự án thay thế thiết bị, nâng cấp hệ thống máng trượt theo tiêu chuẩn Châu Âu: Đã ký hợp đồng mua thiết bị.

+ Dự án xây dựng văn phòng làm việc: Nghiệm thu đưa vào sử dụng.

+ Dự án nâng cấp hệ thống cáp treo Trung Quốc theo công nghệ Châu Âu: Đã lập dự án.

*** Công tác bảo trì, bảo dưỡng, chăm sóc cảnh quan “xanh, sạch, đẹp”:**

- Công tác bảo trì, bảo dưỡng hệ thống cáp treo, máng trượt được thực hiện theo đúng quy trình kỹ thuật, không để xảy ra bất kỳ sự cố kỹ thuật nào do yếu tố chủ quan, đảm bảo các hệ thống được vận hành xuyên suốt; công tác kiểm định các hệ thống được chú trọng, đảm bảo các yêu cầu nghiêm ngặt theo đúng quy trình của Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn khu vực II; nhập khẩu thiết bị dự phòng cho hệ thống cáp treo công nghệ Châu Âu; tổ chức thay cáp tải và cáp căng của Hệ thống cáp treo Trung Quốc và kiểm định toàn diện hệ thống này để chuẩn bị phục vụ đợt cao điểm Hội xuân Núi Bà năm 2017; thực hiện hợp đồng thuê chuyên gia Doppelmayr trực tiếp xử lý khi sự cố xảy ra của hệ thống cáp treo công nghệ Châu Âu, nhằm đảm bảo 03 hệ thống cáp treo, máng trượt hoạt động liên tục phục vụ khách.

- Công tác bảo vệ môi trường được thực hiện thường xuyên, tuân thủ đúng các quy định của các cơ quan quản lý, lập báo cáo giám sát môi trường định kỳ 6 tháng/ lần, hợp đồng thuê xử lý chất thải nguy hại, thu gom rác, chất thải rắn thông thường; thực hiện công tác sửa chữa, cải tạo nhà vệ sinh tại các nhà ga cáp treo, máng trượt, nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khách miễn phí.

- Giám sát thường xuyên việc thực hiện nội quy về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường, thực tập cứu hộ...

- Công tác chăm sóc cảnh quan môi trường: Thuê đơn vị chuyên nghiệp để thực hiện công tác chăm sóc hoa kiểng, trồng cây tạo bóng mát, tạo vẻ mỹ quan chung trong khu vực.

*** Tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:**

- Luôn thực hiện nghiêm túc chủ trương và nhiệm vụ kế hoạch kinh doanh theo đúng nội dung Nghị quyết Hội đồng Quản trị và Đại Hội đồng cổ đông.

- Để thực hiện tốt các chủ trương, Ban giám đốc luôn báo cáo kịp thời các công tác đã thực hiện, những việc phát sinh, cũng như đề ra nhiệm vụ cụ thể từng quý tiếp theo để trình Hội đồng Quản trị thông qua tại các cuộc họp định kỳ, đột xuất.

*** Một số công tác khác:**

- Thực hiện xây dựng hệ thống thang bảng lương công ty, quy chế tài chính, quy chế đào tạo, bổ nhiệm luân chuyển cán bộ quản lý, chuyển đổi hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 sang ISO 9001: 2015 theo quy định.

- Cung cấp kịp thời các thông tin có liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty cho Ủy ban chứng khoán Nhà Nước, Sở giao dịch chứng khoán....

- Đẩy mạnh các phong trào thi đua, triển khai đến các phòng ban, bộ phận trong toàn Công ty như đăng ký thi đua phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu được giao, lấy đó làm cơ sở xét khen thưởng, tổng kết thi đua cuối năm. Mỗi phong trào có vị trí riêng, tác động tích cực đến công tác sản xuất kinh doanh. Qua các phong trào thi đua, đã tận dụng được thời cơ, phát huy nội lực để đẩy mạnh sản xuất, và đạt hiệu quả cao trong năm 2016.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản:

Xem xét tài sản ngắn hạn ta thấy đầu năm chiếm 46,83%, đến cuối năm tài sản ngắn hạn chiếm 56,50%, mức tăng của tỷ trọng tài sản ngắn hạn là 9,67% chủ yếu là do sự gia tăng tỷ trọng của các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (+142,60%).

Sự gia tăng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn cho thấy Công ty đã sử dụng lượng tiền mặt gửi vào các ngân hàng thương mại với kỳ hạn 6 tháng để thu được khoản thu nhập tài chính, so với khoản thu nhập tài chính năm 2015 thì khoản thu nhập tài chính năm 2016 tăng 0,04%.

Khoản thu nhập tài chính này góp phần làm gia tăng lợi nhuận sau thuế tương ứng với tỷ lệ 7,82%.

Khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty không tăng, việc mua cổ phiếu 184.300 cổ phần đầu tư vào Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình chiếm 4,51% trên vốn điều lệ, hiện nay Công ty CP Khách sạn Hoà Bình Tây Ninh đã tạm ngừng kinh doanh từ ngày 13/8/2016-12/8/2017, việc đầu tư này không mang lại hiệu quả nên Công ty đã quyết định bán cổ phần đầu tư này, cá nhân đầu giá thành công và xin gia hạn nộp tiền đến ngày 31/03/2017 được UBND tỉnh tây Ninh chấp thuận theo quyết định số 3739/UBND-KTTC ngày 29/12/2016.

Công ty đã trích lập dự phòng khoản đầu tư tài chính này tương ứng với số tiền 1.136.714.249 đồng.

Xem xét khoản phải thu ngắn hạn trên bảng cân đối kế toán ta thấy đầu năm chiếm 3,49% đến cuối năm các khoản phải thu ngắn hạn chiếm 2,32%, tỷ trọng các khoản phải thu ngắn hạn giảm 1,17%, các khoản phải thu ngắn hạn này hoàn toàn đáng tin cậy và có khả năng thu hồi 100%, không có sự sai lệch giữa giá trị thực với giá trị trên sổ kế toán. Trong tổng các khoản phải thu ngắn hạn trong đó phần nợ phải thu là tiền lãi dự thu từ các hợp đồng tiền gửi đến kỳ đáo hạn tại các ngân hàng thương mại :

2.428.578.808đ và phần trả trước cho người bán về các công trình xây dựng cơ bản còn dở dang.

Mặt khác, khi phân tích nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty ta thấy Công ty hoàn toàn tự chủ về tài chính: $Vốn\ CSH + nợ\ dài\ hạn - TSCĐ > 0$ (243.653.121.831 - 100.392.822.649 > 0)

Tỷ trọng hàng tồn kho tăng 0,21% so với đầu năm 2015 nhằm duy trì hoạt động kinh doanh trong tháng cao điểm phục vụ Hội xuân Núi Bà năm 2017. Công ty cũng đã xem xét xác định thời gian tồn kho hợp lý nhằm đẩy mạnh vòng quay vốn.

Tài sản dài hạn cuối năm chiếm tỷ trọng 53,17%, đầu năm chiếm 58,19% cho thấy công ty không đầu tư mới, không mở rộng quy mô sản xuất.

Xem xét tài sản cố định của công ty ta thấy với tổng nguyên giá: 230.880.615.430 đồng, giá trị hao mòn lũy kế: 130.487.792.781 đồng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 58.574.456.396 đồng. Tính hữu dụng và giá trị kinh tế trên thị trường rất cao.

b) Tình hình nợ phải trả:

Theo chỉ số hiệu quả tài chính:

Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản của công ty năm 2016 là 28,86% : cứ 1 đồng tài sản của công ty tạo ra được 0,29 đồng lợi nhuận.

Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản năm 2016 tăng 2,98% so với năm 2015 đây là dấu hiệu thể hiện Công ty làm ăn có hiệu quả.

Nợ phải trả bao gồm nợ ngắn hạn và nợ dài hạn

Hệ số nợ /vốn chủ sở hữu của công ty năm 2016 là 3,99% cho thấy công ty ít phụ thuộc vào việc huy động vốn bằng vay nợ, do vậy độ rủi ro thấp.

Hệ số nợ /tổng tài sản của công ty năm 2015 là 3,83%, tỷ số này tương đối thấp, các khoản nợ được đảm bảo và không gây bất lợi đối với chủ nợ. Công ty hoàn toàn có khả năng thanh toán thông qua các chỉ tiêu tính toán về khả năng thanh toán.

Hệ số lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu của Công ty năm 2016 so với năm 2015 tăng 8,94%. Đây là chỉ số được các nhà đầu tư quan tâm nhất vì nó phản ánh những gì mà họ sẽ được hưởng, Công ty đã duy trì trả cổ tức đều đặn cho cổ đông (tỷ lệ cổ tức dự kiến trả cho cổ đông năm 2016 là 45%), phân phối lợi nhuận để lại hợp lý cho sự phát triển của Công ty, tỷ số này cao hơn lãi suất tiết kiệm nên được coi là đạt hiệu quả thể hiện mục tiêu kinh doanh của Công ty là tối đa hoá lợi nhuận, dẫn đến quy mô vốn tự có ngày càng tăng, khả năng tích lũy cao để dàng mở rộng đầu tư.

Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của công ty năm 2016 là 14,74 lần là tương đối phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty.

Khả năng thanh toán nhanh năm 2016 là 14,29 lần cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ của công ty là rất cao. Công ty có thể dùng tiền hoặc tài sản chuyển đổi thành tiền để trả nợ ngay các khoản nợ đến hạn và quá hạn. Tuy nhiên, khả năng thanh toán nhanh năm 2016 cho thấy công ty để lượng vốn tồn tại dưới hình thái tiền tệ lớn phần nào làm giảm đi hiệu quả sử dụng vốn.

Qua phân tích các chỉ số nêu trên cho thấy công ty là một đơn vị làm ăn có hiệu quả, chỉ tiêu lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước và hoàn toàn có khả năng thanh toán

các nghĩa vụ thực hiện của công ty phát sinh từ các giao dịch mà công ty phải thanh toán từ nguồn lực của mình.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO; hoàn thiện bộ máy quản lý, tập trung xây dựng và củng cố lực lượng nhân sự, cơ chế hoạt động, quy trình đáp ứng nhu cầu phát triển để đảm bảo tốt nhiệm vụ được giao.

- Thực hiện tốt chế độ đãi ngộ cho người lao động, khen thưởng kịp thời để động viên người lao động hiện tốt nhiệm vụ được giao.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1 Nhận định tình hình:

Trong dịp dự đại lễ mừng Tây Ninh kỷ niệm 180 năm hình thành và phát triển vào ngày 9.9, Phó thủ tướng Trương Hòa Bình đã nhấn định: “So với các địa phương khác trong khu vực, Tây Ninh có những lợi thế vượt trội phát triển về kinh tế là du lịch mà ít tỉnh nào có được”.

Song song đó, Du lịch Tây Ninh sẽ càng thuận lợi hơn khi mới đây, Bộ trưởng Bộ GTVT Trương Quang Nghĩa đã chấp thuận cùng tỉnh hoàn thiện dự án đầu tư nâng cấp quốc lộ 22B (TP.HCM - Tây Ninh) trong năm 2017 - 2018. Đồng thời, Bộ GTVT ưu tiên dành nguồn lực để sớm xây dựng tuyến cao tốc TP.HCM - Mộc Bài; bổ sung dự án kết nối đường cao tốc Gò Dầu - Xa Mát theo đề nghị của tỉnh.

Kết hợp với lợi thế riêng cùng tâm huyết lớn đối với sự phát triển của ngành du lịch địa phương, Công ty quyết tâm đi đầu nắm bắt và tận dụng hiệu quả mọi cơ hội kinh doanh để tiếp tục thu hút ngày càng đông lượng du khách đến với tỉnh nhà, tích cực đồng hành đưa du lịch Tây Ninh lên tầm cao mới.

Trong quá trình thực hiện mục tiêu đó, ngoài những điều kiện thuận lợi và khó khăn như những năm trước, dự báo năm 2017 sẽ có một số điều kiện thuận lợi và khó khăn chủ yếu có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

a) Thuận lợi và cơ hội

- Được sự quan tâm của lãnh đạo tỉnh, các Sở, Ban ngành có liên quan nên tình hình hoạt động, cũng như việc đầu tư dự án gặp nhiều thuận lợi.

- Ngoài ra, cơ sở hạ tầng tại tỉnh Tây Ninh nói chung và Khu Du lịch Quốc gia Núi Bà Đen nói riêng đã và đang được đầu tư nâng cấp, tạo điều kiện thuận lợi thu hút khách đến Tây Ninh.

- Khu Du lịch Quốc gia Núi Bà Đen đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển du lịch, trong đó có quỹ đất còn lại của Công ty, đây là cơ hội để đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh sang một số lĩnh vực khác.

b) Khó khăn và thách thức

- Lãi suất ngân hàng có chiều hướng gia tăng, thuận lợi cho việc gửi tiền tiết kiệm, nhưng cũng là thách thức không nhỏ khi cần vay vốn để đầu tư các dự án.

- Các dự án nằm trong Khu Du lịch Quốc gia Núi Bà Đen, nên việc triển khai dự kiến sẽ gặp nhiều khó khăn do có liên quan đến mặt an ninh quốc phòng, di tích...nên có thể ảnh hưởng đến tiến độ.

4.2. Mục tiêu – nhiệm vụ

Trước những khó khăn và thách thức đã được dự báo, Công ty vẫn xác định nhiệm vụ trọng tâm năm 2017 là thực hiện theo những định hướng “***Phát triển bền vững; đầu tư có trọng điểm nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho cổ đông; góp phần phát triển cho tỉnh nhà***”, qua đó đề ra các chỉ tiêu kinh doanh năm 2017 như sau:

		ĐVT: Đồng
STT	DIỄN GIẢI	KẾ HOẠCH NĂM 2017
1	Doanh thu thuần	147.000.000.000
2	Tổng chi phí	67.000.000.000
3	Lợi nhuận trước thuế	80.000.000.000
4	Cổ tức	30% - 40%
5	Nộp thuế	30.080.000.000

Biện pháp thực hiện:

Để có thể hoàn thành nhiệm vụ năm 2017, Ban giám đốc điều hành chúng tôi đề ra các biện pháp thực như sau:

a) Về công tác kinh doanh:

- Tận dụng tối đa sự ủng hộ của chính quyền địa phương và những tiềm năng hiện có để đầu tư phát triển.

- Lập và triển khai kế hoạch kinh doanh hàng tháng, quý để chủ động trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh nhằm đảm bảo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh năm 2017.

- Tận dụng triệt để các lợi thế kinh doanh hiện có, xây dựng chiến lược giá thích hợp cho các loại hình dịch vụ; thực hiện các chế độ khuyến mãi giảm vé thích hợp cho từng đối tượng khách hàng để thu hút khách nhằm tận thu vào những tháng thấp điểm trong năm.

- Đẩy mạnh công tác marketing, chăm sóc khách hàng, xây dựng hình ảnh công ty đối với khách hàng, củng cố và mở rộng mối quan hệ với các đơn vị lữ hành du lịch, khách hàng truyền thống, khách hàng tiềm năng và một số đối tượng khách hàng khác.

- Chú trọng xây dựng thương hiệu, giới thiệu hình ảnh Núi Bà gắn liền với Công ty thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và Website; Nâng cao chất lượng chất lượng dịch vụ, đầu tư nâng cấp các nhà vệ sinh công cộng đạt chuẩn để phục vụ miễn phí cho khách du lịch.

- Phối hợp với Công ty Cổ phần Lữ hành Tây Ninh tổ chức tốt công tác tiếp tân, hướng dẫn, thuyết minh và phục vụ khách đến tham quan Khu Du Lịch Quốc gia Núi Bà Đen.

- Phối hợp với Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh tổ chức tốt hoạt động kinh doanh xe điện, đầu tư thêm xe điện nhằm tối ưu hóa công suất hoạt động xe điện và nhằm mang lại hiệu quả cao, tổ chức nghiên cứu đầu tư dịch vụ vui chơi, giải trí nhằm đa dạng hóa loại hình dịch vụ du lịch phục vụ khách.

- Tận dụng quỹ đất để cho thuê mặt bằng kinh doanh, vườn cây ăn trái; chú trọng công tác cho thuê quảng cáo.

- Lắp đặt màn hình Led khu vực vòng xoay 12 con giáp trong Khu Du lịch Quốc gia Núi Bà Đen để quảng bá hình ảnh, con người Tây Ninh, cũng như giới thiệu các loại hình dịch vụ cáp treo và máng trượt đến du khách.

- Trang trí hệ thống đèn Led, đèn chiếu sáng nghệ thuật làm điểm nhấn khu vực các nhà ga cáp treo và máng trượt, tạo cảm giác thân thiện, thích thú cho du khách khi đến tham gia các loại hình dịch vụ vào ban đêm.

b) Công tác đầu tư, xây dựng cơ bản:

- Triển khai thi công dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống máng trượt theo công nghệ Châu Âu đưa vào hoạt động phục vụ khách trong quý 4/2017.

- Tiếp tục triển khai dự án nâng công suất hệ thống cáp treo Trung Quốc (loại 02 chỗ ngồi) theo công nghệ Châu Âu đưa vào hoạt động phục vụ khách trong năm 2018.

- Thực hiện các bước tiếp theo của dự án cáp treo nối dài từ Chùa Bà lên đỉnh núi và các khu dịch vụ, nghỉ dưỡng,...

c) Một số công tác khác

- Giao khoán doanh thu cho các phòng ban, bộ phận và nghiên cứu thực hành tốt việc tiết kiệm chi phí hoạt động như: định mức chi phí hoạt động cho các phòng ban, bộ phận; sắp xếp lại lao động, củng cố tổ chức; tiếp tục giao khoán tổ chức bên ngoài thực hiện công tác chỉnh trang chăm sóc hoa kiểng ...

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, nâng cao uy tín thương hiệu “Cáp treo Núi Bà Đen”.

- Xây dựng và triển khai các chương trình hành động nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty như giảm tiêu hao nguyên vật liệu, áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý; tiết kiệm chi phí, phân đầu hoàn thành kế hoạch kinh doanh.

- Phối hợp chặt chẽ giữa lãnh đạo và các tổ chức đoàn thể phát động phong trào thi đua lao động, tạo ra khí thế thi đua sôi nổi hoàn thành vượt các chỉ tiêu kinh doanh đã đề ra.

- Thực hiện tốt chế độ đãi ngộ, phân phối tiền lương, tiền thưởng đảm bảo thu nhập cho người lao động. Nâng cao tinh thần đoàn kết của tập thể cán bộ công nhân viên trong công ty, đặc biệt chú trọng đến cán bộ công nhân viên có trình độ quản lý tốt, có kinh nghiệm. Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ quản lý cho CB.CNV, từng bước trẻ hoá đội ngũ cán bộ quản lý.

- Duy trì, cải tiến tốt việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO nhằm nâng cao chất lượng, cũng như hiệu quả trong công việc.

- Hoàn chỉnh việc xây dựng thang bảng lương cho CB.CNV Công ty theo Thông tư Số: 17/2015/TT-BLĐTBXH của Bộ lao động thương binh xã hội.

- Áp dụng chính sách lương, thưởng dựa trên hiệu quả công việc.

- Triển khai thực hiện tốt các công tác khác theo tinh thần Nghị quyết của Đại hội cổ đông và Hội đồng Quản trị giao cho.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

Trong quá trình hoạt động, luôn chú trọng đến việc bảo vệ môi trường, xử lý rác thải và chất thải nguy hại... đúng quy định của Pháp luật.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Cán bộ công nhân viên Công ty đa số là những người có trình độ, kinh nghiệm và nhiệt huyết với công việc, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Luôn tích cực tham gia công tác từ thiện xã hội như mua quà tặng đồng bào nghèo các xã trong tỉnh vui đón tết Bính Thân 2016, hỗ trợ kinh phí Hội nạn nhân chất

độc da cam số tiền là; xây dựng 02 căn nhà đại đoàn kết; trích lương của CB.CNLD ủng hộ quỹ thiên tai và ủng hộ bảo lụt và các công tác văn hóa - xã hội khác...

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Trong quá trình hoạt động, luôn chú trọng việc nâng cao chất lượng công tác phục vụ, công tác kỹ thuật để đáp ứng nhu cầu của du khách một cách tốt nhất. Song song đó, còn chú trọng đến công tác chăm sóc khách hàng, hăng hái, hăng quý đều tỏ chữ điều tra ý kiến của khách hàng để hoàn thiện công tác phục vụ, đảm bảo phương châm “Vui lòng khách đến, hài lòng khách đi”.

Để tối ưu hóa công suất phục vụ của hệ thống cáp treo và máng trượt, đã ký hợp đồng nhận khoán kinh doanh dịch vụ xe điện đưa khách từ cổng Khu Du lịch đến các nhà ga cáp treo và máng trượt.

Tận dụng triệt để quỹ đất hiện có để cho thuê mặt bằng, vườn cây ăn trái và cho thuê dịch vụ quảng cáo để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Khẩn trương triển khai các dự án nâng cấp hệ thống cáp treo, máng trượt Trung Quốc hiện hữu lên tiêu chuẩn Châu Âu, dự án cáp treo nối dài lên đỉnh núi – Khu dịch vụ. Trong năm cũng đã đưa dự án văn phòng làm việc vào sử dụng, qua đó người lao động đã an tâm công tác, nỗ lực phấn đấu để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Thực hiện các thủ tục xin ưu đãi thuế TNDN cho dự án hệ thống cáp treo Công nghệ Châu Âu đầu tư mở rộng năm 2013.

Nhìn chung, với nỗ lực phấn đấu hết mình của cán bộ công nhân viên, tập thể Công ty đã đạt được những thành quả rất đáng trân trọng, các chỉ tiêu kinh doanh đều hoàn thành vượt kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

4. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị đã tiến hành các hoạt động giám sát đối với Ban Giám đốc như sau:

- Giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình triển khai các dự án của Ban giám đốc. Hội đồng quản trị có ý kiến chỉ đạo trực tiếp Ban Giám đốc nhằm đảm bảo việc thực thi đúng và đầy đủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 và đầu tư các dự án năm 2016;

- Chỉ đạo Ban Giám đốc triển khai và hoàn tất công tác kiểm toán cho năm tài chính 2016 và công bố các thông tin theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị thường xuyên tham dự các cuộc họp giao ban, họp kế hoạch sản xuất kinh doanh, đồng thời, phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát, Ban giám đốc Công ty, kịp thời giải quyết những vướng mắc, khó khăn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Ngắn hạn: Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện và nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ, nhằm khẳng định thương hiệu “Cáp treo Núi Bà Đen”.

- Trung hạn: Đầu tư trang thiết bị mới đáp ứng thay thế các trang thiết bị đã cũ, lạc hậu.

- Dài hạn: Phối hợp Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh đầu tư thêm một số loại hình dịch vụ khác theo đề án phát triển Khu Du lịch Quốc gia Núi Bà Đen.

- Về kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2017 như sau:

+ Doanh thu: 147.000.000.000 đồng.

+ Lợi nhuận trước thuế: 80.000.000.000 đồng.

+ Cổ tức: 30% - 40%/ VĐL.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Tt	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành	Thành viên độc lập	Chức danh Hội đồng Quản trị tại các công ty khác
1	Lê Hữu Phước	Chủ tịch	0	Không	Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh
2	Trần Trung Kiên	Phó chủ tịch	0	Không	Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh
3	Trần Anh Minh	Thành viên	0	Không	Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh
4	Đặng Tấn Tài	Thành viên	0	Không	
5	Nguyễn Văn Vàng	Thành viên	0	Không	

b) Các tiêu bản thuộc Hội đồng quản trị: Không.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã tổ chức họp 08 lần trong năm để thông qua và quyết định một số vấn đề sau đây:

- Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2015, phương hướng năm 2016.
- Trích thưởng cho HĐQT, BKS, Thư ký từ lợi nhuận vượt kế hoạch năm 2015; thưởng cho CB.CNV một tháng lương và quyết toán quỹ lương CB. CNV năm 2015.
- Nâng giá vé dịch vụ cáp treo và máng trượt trong tháng Hội xuân năm 2016.
- Thuê chuyên gia Áo trực hỗ trợ kỹ thuật trong tháng Hội xuân năm 2016.
- Giao Giám đốc điều hành chọn thời điểm phù hợp và chọn đối tác bán cổ phần thoái vốn tại Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh.
- Tiếp tục tổ chức nhận khoán kinh doanh xe điện của Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh đưa khách từ cổng vào các nhà ga để sử dụng các loại hình dịch vụ cáp treo và máng trượt.
- Thông qua báo cáo về dự án cáp treo lên đỉnh núi, văn phòng làm việc, hỗ trợ kinh phí khai mạc Hội xuân 2016, công tác chuẩn bị Hội xuân 2016 và việc chuyển sản phẩm về TP.HCM.
- Thống nhất thuê đơn vị tư vấn lập dự án cáp treo lên đỉnh núi để bổ sung hồ sơ xin chủ trương các bộ, ngành có liên quan.
- Thông qua dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống Máng trượt theo công nghệ Châu Âu.
- Chốt danh sách cổ đông để tiến hành tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 và tạm ứng cổ tức cho năm 2015.
- Thống nhất thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 và gia hạn thời gian thanh toán tạm ứng cổ tức cho năm 2015.
- Thông qua báo cáo thường niên năm 2015.
- Thống nhất báo cáo của Hội đồng Quản trị năm 2015 và phương hướng năm 2016.
- Thống nhất báo cáo Ban kiểm soát, báo cáo kiểm toán năm 2015.
- Thống nhất dự kiến phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi cổ tức năm 2015.
- Chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2016.
- Mức thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và thư ký Hội đồng Quản trị năm 2016.
- Thống nhất nội dung sửa đổi Điều lệ theo Luật doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.
- Thống nhất chưa áp dụng quy định về tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Ban kiểm soát theo Luật doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.
- Thống nhất giới thiệu nhân sự bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.
- Thông qua chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.
- Điều chỉnh tổng mức vốn đầu tư dự án nâng cấp hệ thống Máng trượt từ 67 tỷ đồng lên 89,989 tỷ đồng.
- Thoái vốn đầu tư tại Công ty CP Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh.
- Thuê đơn vị tư vấn xây dựng đề án trả lương theo Nghị định 49/2013/NĐ-CP và Thông tư số 17/2015/TT-BLĐTB-XH.
- Trang bị xe phục vụ các dự án và Hội đồng Quản trị.
- Thuê đơn vị tư vấn lập dự án Cáp treo nối dài lên đỉnh núi Bà Đen.

- Mua bảo hiểm nhân thọ cho các thành viên Hội đồng Quản trị, ban kiểm soát, cán bộ quản lý và người lao động của Công ty.
 - Nhập thiết bị dự phòng hệ thống cáp treo theo công nghệ Châu Âu
 - Kế hoạch lựa chọn nhà thầu của dự án thay thế thiết bị, nâng cấp hệ thống máng trượt.
 - Hồ sơ mời thầu gói thầu cung cấp thiết bị của hệ thống máng trượt.
 - Quy hoạch mặt bằng cảnh quan khu du lịch đỉnh núi.
 - Thuê chuyên gia kiểm tra cấp phép của hệ thống cáp treo Doppelmayr
 - Gia hạn thời gian tổ chức đấu thầu gói thầu cung cấp thiết bị và chuyển giao công nghệ thuộc dự án thay thế thiết bị, nâng cấp hệ thống máng trượt theo quy định.
 - Quyết toán tổng kinh phí thực hiện Hội xuân 2016 là: 7,513 tỷ đồng;
 - Kế hoạch công tác chuẩn bị phục vụ Hội Xuân 2017, với tổng kinh phí tương đương là: 8,549 tỷ đồng (chưa bao gồm tiền lương của nhân sự phục vụ công tác vệ sinh và tài xế xe điện).
 - Xây dựng bổ sung kế hoạch tài chính tháng Hội xuân 2017;
 - Đầu tư, sửa chữa nhà vệ sinh để phục vụ miễn phí du khách bảo đảm đạt chuẩn, với giá trị được quyết toán theo thực tế.
 - Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án: “Thay thế thiết bị, nâng cấp hệ thống máng trượt”;
 - Thống nhất sử dụng dự phòng phí bổ sung cho giá trị gói thầu “Cung cấp thiết bị và chuyển giao công nghệ thuộc dự án thay thế thiết bị, nâng cấp hệ thống máng trượt”, với tổng giá trị gói thầu là: 2.752.502,53 EUR, tương đương: 68.867.475.410 VNĐ.
 - Chủ trương đầu tư, trang bị nội thất văn phòng làm việc, với tổng giá trị là: 1,8 tỷ đồng, đảm bảo đúng theo quy định của việc đầu tư mua sắm.
 - Chủ trương đầu tư hạng mục xây bờ kè – mương thoát nước, sân nền, điện nước, cống thoát nước của khu văn phòng làm việc, với tổng giá trị là 567 triệu đồng.
 - Giao Ban Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng phối hợp với Ban kiểm soát tiếp tục làm việc với đơn vị tư vấn thực hiện công việc liên quan đến ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án đầu tư hệ thống cáp treo theo công nghệ châu Âu, sau đó có văn bản báo cáo HĐQT để xem xét, quyết định.
 - Thống nhất giá vé dịch vụ Cáp treo-Máng Trượt áp dụng cho cả năm 2017.
 - Thuê đơn vị tư vấn thực hiện công việc liên quan đến ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án đầu tư hệ thống Cáp Treo theo công nghệ Châu Âu cho năm 2015 và 04, năm tiếp theo (từ năm 2016-2019) với mức phí tối đa là 20% của số thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi chỉ tính cho năm 2015.
 - Chủ trương nâng mức mua bảo hiểm nhân thọ cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, cán bộ quản lý và người lao động với chi phí: 2,7 tỷ đồng/năm và được tính vào chi phí hoạt động của Công ty.
- d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không.
- e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH
1	Lê Hữu Phước	Chủ tịch
2	Trần Anh Minh	Thành viên

5. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

T T	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành
1	Đặng Văn Hoàng	Trưởng ban	2.000
2	Trần Thị Hiền	Thành viên	0
3	Lý Bình Hòa	Thành viên	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

+ Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban Kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cáp treo núi Bà Tây Ninh qui định và những điều khoản ghi trong Luật doanh nghiệp.

- Ban Kiểm soát đã làm tròn chức năng, nhiệm vụ mà các nhà đầu tư đã tin tưởng giao cho, nhất là thực hiện nhiệm vụ kiểm tra giám sát hoạt động kinh doanh và sử dụng vốn một cách có hiệu quả; mặc dù tình hình hoạt động kinh doanh trong năm 2016 còn nhiều khó khăn và thách thức đan xen.

- Kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2016 đạt được, do Ban kiểm soát luôn được tín nhiệm, hỗ trợ tạo điều kiện của Hội đồng quản trị bên cạnh sự tuân thủ của Ban Giám đốc, các Phòng ban, toàn thể CB.CNV Công ty và sự nỗ lực của từng bản thân mỗi thành viên Ban kiểm soát nhằm phục vụ lợi ích của Cổ đông tốt nhất.

+Nội dung và kết quả các cuộc họp: Trong năm, Ban kiểm soát đã tổ chức họp 4 lần chủ yếu là để kiểm tra Báo cáo tài chính hàng quý và năm 2016. Ngoài ra, Ban Kiểm soát đã tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Cáp treo núi Bà Tây Ninh trong việc quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể:

- Thẩm tra Báo cáo tài chính và giám sát công tác công bố thông tin. Kết quả Công ty đã thực hiện tốt nội dung này.

- Phối hợp và giám sát hoạt động Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc. Kết quả như sau:

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật trong quản lý điều hành. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thông qua .

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã tổ chức nhiều cuộc họp, qua đó đã ban hành các Nghị quyết, các Quyết định chỉ đạo kịp thời hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ hàng quý giữa Hội đồng quản trị với Ban Giám đốc để nghe Ban Giám đốc báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh từng quý và mục tiêu phương hướng hoạt động tiếp theo nhằm hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Trong năm, Công ty không phát sinh bất cứ vấn đề tranh chấp nào liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Các hợp đồng giao kết với những người có liên quan thực hiện đúng quy định. Ban Kiểm soát chưa phát hiện sai sót dẫn đến vi phạm quy định hiện hành.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

ĐVT: Đồng

TT	Họ và tên	Chức danh	Tiền thù lao đã nhận	Tiền thưởng	Tổng cộng
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		372.000.000	801.866.667	1.173.866.667
1	Lê Hữu Phước	Chủ tịch	108.000.000	232.800.000	340.800.000
2	Trần Trung Kiên	Phó Chủ tịch	84.000.000	181.066.667	265.066.667
3	Đặng Tấn Tài	Thành viên	60.000.000	129.333.333	189.333.333
4	Nguyễn Văn Vàng	Thành viên	60.000.000	129.333.333	189.333.333
5	Lê Trung Dương (Từ tháng 01/2016 đến 05/2016)	Thành viên	25.000.000	129.333.333	154.333.333
6	Trần Anh Minh (Từ tháng 06/2016 đến 12/2016)	Thành viên	35.000.000		35.000.000
II	BAN KIỂM SOÁT & THU KÝ		238.000.000	362.133.333	600.133.333
1	Võ Phước Hồng (Từ tháng 01/2016 đến 05/2016)	Trưởng ban	25.000.000	129.333.333	154.333.333
2	Đặng Văn Hoàng (Từ tháng 01/2016 đến 05/2016)	Thành viên	15.000.000	77.600.000	92.600.000
3	Đặng Văn Hoàng (Từ tháng 06/2016 đến 12/2016)	Trưởng ban	105.000.000		105.000.000
4	Lý Bình Hòa	Thành viên	36.000.000	77.600.000	113.600.000
5	Trần Thị Hiền (Từ tháng 06/2016 đến 12/2016)	Thành viên	21.000.000		21.000.000
6	Nguyễn Thế Nghiêm	Thư ký HĐQT	36.000.000	77.600.000	113.600.000
	Tổng cộng		610.000.000	1.164.000.000	1.774.000.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không..

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Luôn tuân thủ theo quy định pháp luật về quản trị công ty.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH (báo cáo kèm theo)

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2016 của Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY *Handwritten signature*



Trần Trung Kiên

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016



Tháng 2 năm 2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 từ trang 06 đến trang 42 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2016 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hữu Phước	Chủ tịch
Ông Trần Trung Kiên	Phó Chủ tịch
Ông Đặng Tấn Tài	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Vàng	Thành viên
Ông Trần Anh Minh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26/05/2016)
Ông Lê Trung Dương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 26/05/2016)

Ban Kiểm soát

Ông Đặng Văn Hoàng	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 26/05/2016)
Ông Võ Phước Hồng	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 26/05/2016)
Ông Lý Bình Hòa	Thành viên
Bà Trần Thị Hiền	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Trung Kiên	Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Cường	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Sinh	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong năm 2016 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Trần Thị Song Giang.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA - Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Trung Kiên
Giám đốc

Tây Ninh, ngày 22 tháng 02 năm 2017

Số: 08 /2017/UHYACAHCM-BCKTDL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh, được lập ngày 22/02/2017, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp treo Núi Bà Tây Ninh tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phan Thanh Điền

Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số 1496-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA – CHI NHÁNH TẠI TP. HCM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng 02 năm 2017

Lương Ngô Bảo Trân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số 1828-2014-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		143.158.785.525	105.734.662.553
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	7.278.885.154	6.644.760.935
Tiền	111		7.278.885.154	3.944.760.935
Các khoản tương đương tiền	112		-	2.700.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	122.208.000.000	85.700.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		122.208.000.000	85.700.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.875.296.406	7.882.845.300
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	436.318.000	1.162.954.656
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.438.091.400	2.876.679.483
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	3.000.887.006	3.843.211.161
Hàng tồn kho	140	9	4.392.121.084	3.434.388.244
Hàng tồn kho	141		4.503.352.833	3.545.619.993
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(111.231.749)	(111.231.749)
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.404.482.881	2.072.668.074
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	3.146.235.191	450.613.212
Thuế GTGT được khấu trừ	152		126.802.672	13.007
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	131.445.018	1.622.041.855
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		110.206.932.684	120.069.398.361
Tài sản cố định	220		100.392.822.649	117.153.377.288
Tài sản cố định hữu hình	221	10	100.392.822.649	117.153.377.288
- Nguyên giá	222		230.880.615.430	228.465.353.805
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(130.487.792.781)	(111.311.976.517)
Tài sản dở dang dài hạn	240		6.484.921.500	411.192.544
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	6.484.921.500	411.192.544
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	706.285.751	1.843.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		1.843.000.000	1.843.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.136.714.249)	-
Tài sản dài hạn khác	260		2.622.902.784	661.828.529
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	2.564.625.585	643.866.272
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		58.277.199	17.962.257
TỔNG TÀI SẢN	270		253.365.718.209	225.804.060.914

Các Thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		9.712.596.378	11.372.083.295
Nợ ngắn hạn	310		9.712.596.378	11.372.083.295
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	1.033.723.740	1.633.603.453
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	1.576.423.184
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	276.834.547	-
Phải trả người lao động	314		6.493.086.673	4.971.927.064
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	291.385.996	66.555.713
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	16	19.651.271	15.090.909
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	101.423.010	2.230.583.095
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.496.491.141	877.899.877
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		243.653.121.831	214.431.977.619
Vốn chủ sở hữu	410	18	243.653.121.831	214.431.977.619
Vốn góp của chủ sở hữu	411		127.880.000.000	127.880.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		127.880.000.000	127.880.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		72.599.977.619	51.686.464.604
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		43.173.144.212	34.865.513.015
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		43.173.144.212	34.865.513.015
TỔNG NGUỒN VỐN	440		253.365.718.209	225.804.060.914

Tây Ninh, ngày 22 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lâm Thị Ngọc Châu

Trần Thị Song Giang

Trần Trung Kiên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	137.536.230.320	176.295.114.053
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		137.536.230.320	176.295.114.053
Giá vốn hàng bán	11	20	26.354.632.340	81.919.174.870
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		111.181.597.980	94.375.939.183
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	8.005.553.624	5.784.441.952
Chi phí tài chính	22	22	1.215.386.976	15.833.749
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	24	20.510.412.724	18.047.731.165
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	11.189.850.007	8.243.383.821
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		86.271.501.897	73.853.432.400
Thu nhập khác	31	23	243.220.369	167.452.813
Chi phí khác	32		-	-
Lợi nhuận khác	40		243.220.369	167.452.813
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		86.514.722.266	74.020.885.213
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	17.402.396.328	16.277.820.018
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	27	(40.314.942)	17.152.760
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		69.152.640.880	57.725.912.435
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	5.116	4.269
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	5.116	4.269

Tây Ninh, ngày 22 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lâm Thị Ngọc Châu

Trần Thị Song Giang

Trần Trung Kiên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		86.514.722.266	74.020.885.213
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		19.175.816.264	19.069.331.675
Các khoản dự phòng	03		1.136.714.249	42.066.731
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(8.005.553.624)	(5.784.441.952)
Chi phí lãi vay	06		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		98.821.699.155	87.347.841.667
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.656.635.485	7.778.377.123
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(957.732.840)	345.095.871
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(2.278.078.181)	908.273.546
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(4.616.381.292)	(124.934.474)
Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(16.000.000.000)	(13.500.000.000)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(4.785.305.404)	(4.734.510.680)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		73.840.836.923	78.020.143.053
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(9.293.789.881)	(10.952.892.744)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(275.358.000.000)	(147.600.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		238.850.000.000	102.800.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.122.677.177	5.623.082.925
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(38.679.112.704)	(50.129.809.819)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(34.527.600.000)	(51.152.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(34.527.600.000)	(51.152.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		634.124.219	(23.261.666.766)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	6.644.760.935	29.906.427.701
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	7.278.885.154	6.644.760.935

Tây Ninh, ngày 22 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lâm Thị Ngọc Châu

Trần Thị Song Giang

Trần Trung Kiên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa từ Bộ phận cáp treo của Công ty Du lịch Tây Ninh (nay là Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh) theo Quyết định số 15/QĐ-CT ngày 10/01/2001 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4503000004 (số mới là 3900309621) ngày 11 tháng 01 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần nhất là lần thứ 9 ngày 01 tháng 12 năm 2014 về việc tăng vốn điều lệ.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 73/UBCK-GPNY ngày 15 tháng 11 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2009, Công ty chuyển sang niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận số 54/GCN-SGDHN ngày 05/10/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Kể từ ngày 14/01/2016, Công ty chuyển sang niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 21/QĐ-SGDHCM ngày 14 tháng 01 năm 2016 của Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 của Công ty là 127.880.000.000 đồng được chia thành 12.788.000 cổ phần. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty có trụ sở chính tại Phường Ninh Sơn, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại và dịch vụ.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Vận tải hành khách đường bộ khác. Cụ thể: vận chuyển du khách bằng phương tiện cáp treo, máng trượt;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Cụ thể: vận chuyển hàng hóa bằng phương tiện cáp treo;
- Quảng cáo;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Đại lý du lịch;
- Đại lý môi giới, đấu giá. Cụ thể: Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là vận chuyển du khách bằng phương tiện cáp treo, máng trượt. Theo đó chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty thường tập trung chủ yếu vào tháng 2, tháng 3 là những ngày Hội xuân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là vận chuyển du khách bằng phương tiện cáp treo, máng trượt, khách hàng là người dân trong khu vực và khách du lịch. Số lượng khách du lịch đến sử dụng dịch vụ của Công ty sẽ ảnh hưởng đáng kể đến doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty.

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty không có công ty con, các chi nhánh và đơn vị phụ thuộc.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 KỲ KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch hàng năm.

2.1 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 ("Thông tư 200") và Thông tư 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") của Bộ Tài chính ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

4.1 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng. Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ vào kỳ hạn còn lại (dưới 12 tháng hay từ 12 tháng trở lên kể từ thời điểm báo cáo) để trình bày là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán đánh giá khả năng thu hồi để ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm hoặc thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư góp vốn với mục đích nắm giữ lâu dài. Giá phí các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn là thời điểm chính thức có quyền sở hữu. Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty căn cứ vào Báo cáo tài chính của bên được đầu tư để xác định giá trị bị tổn thất để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư.

4.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200, Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.3 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10

4.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Trả trước tiền thuê đất

Trả trước tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước cho phân đất Công ty đang sử dụng để dựng pano quảng cáo. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã được đưa vào sử dụng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác thể hiện chi phí đánh giá tái chứng nhận hệ thống ISO và chi phí sửa chữa bao gồm các chi phí sửa chữa nhà ga, chi phí thay cáp,... các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.5 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.6 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán (hoặc kỳ kế toán).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.6 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.7 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất cố hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.8 NGOẠI TỆ

Ngân hàng lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Tây Ninh.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại tiền và các khoản phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Tây Ninh thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Tây Ninh tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Tây Ninh tại thời điểm đầu mỗi tháng. Tỷ giá áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng là tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.8 NGOẠI TỆ (TIẾP)

Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác trong thu nhập tính thuế, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế.

4.9 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.10 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực hoạt động bao gồm: Hoạt động vận chuyển, hoạt động quảng cáo và hoạt động khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.10 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Hoạt động chủ yếu của các bộ phận như sau:

- Bộ phận vận chuyển: Vận chuyển du khách và hàng hoá bằng phương tiện cáp treo, máng trượt, xe lửa.
- Bộ phận quảng cáo: Cho thuê quảng cáo trên vé và trên cabin cáp treo.
- Bộ phận kinh doanh bia: Đại lý phân phối bia.
- Bộ phận khác: Cho thuê mặt bằng, hoạt động khác.

4.11 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là Công ty CP Du lịch - Thương mại Tây Ninh, Công ty con và Công ty liên kết do Công ty CP Du lịch - Thương mại Tây Ninh đầu tư và chi phối, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	204.132.000	202.757.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.074.753.154	3.742.003.935
Các khoản tương đương tiền	-	2.700.000.000
Cộng	7.278.885.154	6.644.760.935

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	122.208.000.000	122.208.000.000	85.700.000.000	85.700.000.000
a1) Ngắn hạn	122.208.000.000	122.208.000.000	85.700.000.000	85.700.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	121.558.000.000	121.558.000.000	85.700.000.000	85.700.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đại chúng Tây Ninh	25.400.000.000	25.400.000.000	24.500.000.000	24.500.000.000
+ Ngân hàng TMCP Công thương Tây Ninh	9.400.000.000	9.400.000.000	7.800.000.000	7.800.000.000
+ Ngân hàng TMCP Công thương Hòa Thành Tây Ninh	21.200.000.000	21.200.000.000	9.300.000.000	9.300.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Tây Ninh	3.500.000.000	3.500.000.000	8.100.000.000	8.100.000.000
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Tây Ninh	5.900.000.000	5.900.000.000	1.900.000.000	1.900.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Tây Ninh	6.500.000.000	6.500.000.000	9.800.000.000	9.800.000.000
+ Ngân hàng TMCP Phát triển Tây Ninh	1.600.000.000	1.600.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
+ Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM - CN Tây Ninh	15.000.000.000	15.000.000.000	6.200.000.000	6.200.000.000
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội Tây Ninh	5.000.000.000	5.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ban Việt Tây Ninh	12.600.000.000	12.600.000.000	12.600.000.000	12.600.000.000
+ Ngân hàng NN&PTNT - CN KV Tân Hưng - Tây Ninh	15.458.000.000	15.458.000.000	-	-
+ Quỹ đầu tư phát triển Tây Ninh	650.000.000	650.000.000	-	-
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
a2) Dài hạn	-	-	-	-

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng với lãi suất từ 5% - 6,0%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.843.000.000	706.285.751	(1.136.714.249)	1.843.000.000	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	1.843.000.000	706.285.751	(1.136.714.249)	1.843.000.000	-
+ Công ty CP Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh (**)	1.843.000.000	706.285.751	(1.136.714.249)	1.843.000.000	-

(**) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh với 184.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 4,51% vốn điều lệ của Công ty này.

Theo Giấy xác nhận của Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh, Công ty CP Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh đã đăng ký tạm ngừng kinh doanh từ ngày 13/08/2016 đến ngày 12/08/2017. Do đó, giá trị trích lập dự phòng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh được căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/08/2016.

Ngoài ra, trong năm 2016, Công ty đã ủy quyền cho Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Du Lịch - Thương Mại Tây Ninh bán toàn bộ số cổ phần đang sở hữu tại Công ty CP KS Hòa Bình Tây Ninh. Căn cứ vào Thông báo 02/2016/BTCĐG về việc thông báo kết quả đấu giá cổ phần Khách sạn Hòa Bình, Công ty Cổ phần Du Lịch - Thương Mại Tây Ninh sẽ chuyển giao các cổ phần bán được cho các cá nhân, tổ chức từ ngày 16/12/2016 đến 29/12/2016. Đến thời điểm lập báo cáo này, các thủ tục chuyển nhượng chưa hoàn tất do các tổ chức, cá nhân đấu giá thành công đã xin gia hạn nộp tiền đến ngày 31/03/2017 và được UBND Tỉnh Tây Ninh chấp thuận theo Quyết định số 3739/UBND – KTTC ngày 29/12/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	436.318.000	1.162.954.656
- Công ty CP Du Lịch - Thương Mại Tây Ninh	436.318.000	1.106.509.656
- Công ty Cổ Phần lữ hành Tây Ninh	-	34.445.000
- Trần Hữu Nghĩa	-	22.000.000
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	436.318.000	1.140.954.656
- Công ty CP Du Lịch - Thương Mại Tây Ninh	436.318.000	1.106.509.656
- Công ty Cổ Phần lữ hành Tây Ninh	-	34.445.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	3.000.887.006	-	3.843.211.161	-
- Lãi dự thu ngân hàng	2.428.578.808	-	1.526.852.361	-
+ Ngân hàng Công Thương Tây Ninh	189.965.556	-	137.152.778	-
+ Ngân Hàng Bản Việt Tây Ninh	290.066.667	-	180.661.111	-
+ Ngân hàng Công thương Hòa Thành Tây Ninh	395.609.444	-	145.211.111	-
+ Ngân Hàng Đầu Tư Và Phát Triển Tây Ninh	72.722.222	-	80.434.028	-
+ Ngân hàng Ngoại Thương VN - CN Tây Ninh	98.914.167	-	204.444.444	-
+ Ngân Hàng Đại Chúng Tây Tây Ninh	529.846.667	-	523.478.056	-
+ Ngân hàng Phát Triển Tây Ninh	30.826.667	-	16.575.000	-
+ Ngân Hàng TMCP Quân Đội - CN Tây Ninh	136.844.444	-	113.422.222	-
+ Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín Tây Ninh	108.220.833	-	28.737.500	-
+ Ngân hàng NN&PTNT - CN KV Tân Hưng - Tây Ninh	244.188.808	-	-	-
+ Ngân hàng TMCP Phát Triển TPHCM- CN Tây Ninh	312.523.333	-	96.736.111	-
+ Quỹ đầu tư phát triển Tây Ninh	18.850.000	-	-	-
- Tiền thuế TNCN	169.738.231	-	68.824.756	-
- Công ty CP Du lịch - Thương mại Tây Ninh	-	-	766.700.333	-
- Công ty TNHH Bia và NGK Việt Nam	-	-	15.120.000	-
- Phải thu người lao động	362.369.967	-	131.169.789	-
- Phải thu Ông Võ Phước Hồng	40.200.000	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	1.334.543.922	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	3.000.887.006	-	3.843.211.161	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.503.352.833	(111.231.749)	3.545.619.993	(111.231.749)
Cộng	4.503.352.833	(111.231.749)	3.545.619.993	(111.231.749)

10. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị dụng cụ quản lý		TSCĐ HH khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
NGUYÊN GIÁ											
Tại 01/01/2016	61.425.003.752	156.831.332.470	3.346.861.703	5.127.428.311	1.734.727.569	228.465.353.805					
- Mua trong năm	-	473.973.781	961.923.636	618.232.000	-	2.054.129.417					
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	243.419.091	-	-	-	-	243.419.091					
- Tặng do quyết toán	84.487.117	33.226.000	-	-	-	117.713.117					
Tại 31/12/2016	61.752.909.960	157.338.532.251	4.308.785.339	5.745.660.311	1.734.727.569	230.880.615.430					

HAO MÒN LŨY KẾ

Tại 01/01/2016	26.488.031.282	80.610.510.814	1.376.998.576	2.222.322.138	614.113.707	111.311.976.517
- Khấu hao trong năm	5.298.923.282	12.482.081.319	545.892.109	581.513.858	267.405.696	19.175.816.264
Tại 31/12/2016	31.786.954.564	93.092.592.133	1.922.890.685	2.803.835.996	881.519.403	130.487.792.781

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại 01/01/2016	34.936.972.470	76.220.821.656	1.969.863.127	2.905.106.173	1.120.613.862	117.153.377.288
Tại 31/12/2016	29.965.955.396	64.245.940.118	2.385.894.654	2.941.824.315	853.208.166	100.392.822.649

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 58.574.456.396 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-
b) Xây dựng cơ bản dở dang	6.484.921.500	6.484.921.500	411.192.544	411.192.544
+ Chi Phí Công Trình Khu VP Công Ty	5.213.431.147	5.213.431.147	-	-
+ Chi phí nâng cấp móng trượt	710.458.719	710.458.719	-	-
+ Chi Phí Công Trình Cung Cấp Nước Sinh Hoạt	128.693.636	128.693.636	-	-
+ Chi phí lập báo cáo KTKT công trình công-hàng rào	-	-	9.090.909	9.090.909
+ Chi phí tư vấn thẩm tra công trình công- hàng rào	-	-	3.636.364	3.636.364
+ Chi phí thẩm định giá bảng pano	-	-	2.750.000	2.750.000
+ Chi phí BQLDA công trình văn phòng Công ty	9.185.455	9.185.455	9.185.455	9.185.455
+ Chi phí khảo sát địa chất văn phòng công ty	117.192.727	117.192.727	105.473.636	105.473.636
+ Chi phí BQLDA cáp treo lên đỉnh	137.095.271	137.095.271	112.191.635	112.191.635
+ Chi phí tư vấn khảo sát cáp treo lên đỉnh	168.864.545	168.864.545	168.864.545	168.864.545
Cộng	6.484.921.500	6.484.921.500	411.192.544	411.192.544

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	3.146.235.191	450.613.212
- Chi phí in vé dịch vụ sử dụng	422.849.844	277.489.110
- Chi phí vật tư trang trí, sửa chữa	642.952.604	128.624.102
- Chi phí in lịch	49.000.000	44.500.000
- Chi phí bảo hiểm nhân thọ	1.950.932.742	-
- Chi phí khác	80.500.001	-
Dài hạn	2.564.625.585	643.866.272
- Tiền thuê đất đặt quảng cáo	36.683.324	41.374.991
- Chi phí xây bờ kè chống sạt lở 1 trụ tuyến máng trượt	-	7.424.243
- Giá trị công cụ năm 2014	-	168.656.197
- Giá trị công cụ năm 2015	28.444.007	128.203.928
- Giá trị công cụ năm 2016	607.576.380	-
- Chi phí sửa chữa cổng chào cáp treo	126.479.317	-
- Chi phí quảng cáo trên sân vận động Tây Ninh	25.568.182	-
- Chi phí sửa chữa vỉa hè, bậc cấp, mái che ga trên cáp	13.438.540	53.754.184
- Chi phí chẻ đá và khắc chữ ga hạ giáp	90.000.000	-
- Chi phí gia công lắp đặt hệ thống chống sét	178.958.177	238.610.909
- Chi phí thay cáp tuyến cáp treo	1.453.235.995	5.841.820
- Chi phí khác	4.241.663	-
Cộng	5.710.860.776	1.094.479.484

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	1.033.723.740	1.033.723.740	1.633.603.453	1.633.603.453
- Công ty CP Công nghệ Môi trường & Xây Dựng Saigon	217.080.240	217.080.240	708.148.800	708.148.800
- Công ty Cổ Phần Xây Dựng TM & DV Tân Trường Thịnh	-	-	260.250.000	260.250.000
- Công ty TNHH Kim Sơn	-	-	383.000.000	383.000.000
- Công ty CP Du Lịch - Thương Mại Tây Ninh	444.325.000	444.325.000	82.000.000	82.000.000
- Công ty CP In Hoàng Lê Kha Tây Ninh	125.037.000	125.037.000	-	-
- Công ty TNHH Công Nghệ Thông Minh Toàn Cầu	199.531.500	199.531.500	-	-
- Phải trả nhà cung cấp khác	47.750.000	47.750.000	200.204.653	200.204.653
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
d) Phải trả người bán là các bên liên quan	444.325.000	444.325.000	82.000.000	82.000.000
- Công ty CP Du Lịch - Thương Mại Tây Ninh	444.325.000	444.325.000	82.000.000	82.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại 31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	11.687.322.227	11.687.322.227	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	103.121.406	103.121.406	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	137.396.525	88.415.425	48.981.100
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	516.332.102	516.332.102	-
- Các loại thuế khác	-	382.458.280	154.604.833	227.853.447
Cộng	-	12.826.630.540	12.549.795.993	276.834.547
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.530.841.346	17.402.396.328	16.000.000.000	128.445.018
- Thuế thu nhập cá nhân	41.233.904	41.233.904	-	-
- Thuế nhà thầu	11.742.105	47.026.375	35.284.270	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải thu khác	38.224.500	38.224.500	3.000.000	3.000.000
Cộng	1.622.041.855	17.528.881.107	16.038.284.270	131.445.018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn	291.385.996	66.555.713
- Trích trước quỹ phòng chống thiên tai	-	39.055.713
- Trích trước phí dịch vụ môi trường rừng	279.400.996	-
- Chi phí phải trả khác	11.985.000	27.500.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	291.385.996	66.555.713

16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn	19.651.271	15.090.909
- Công Ty Cổ Phần Du lịch - Thương Mại Tây Ninh (doanh thu quảng cáo, cho thuê kiốt)	19.651.271	3.474.471
- Trần Hữu Nghĩa (doanh thu cho thuê vườn cây)	-	11.616.438
b) Dài hạn	-	-
c) Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng	-	-
Cộng	19.651.271	15.090.909

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn	101.423.010	2.230.583.095
- Bảo hiểm xã hội	-	22.446.390
- Tiền bảo hành, bảo lãnh	91.423.010	91.772.450
- Công ty TNHH Bia và Nước giải khát VN	-	766.700.333
- Công ty CP Du lịch - Thương Mại Tây Ninh (tiền cược vỏ chai bia)	-	15.120.000
- Công ty CP Du lịch - Thương Mại Tây Ninh (tiền thế chấp vỏ chai bia)	-	1.334.543.922
- Ký quỹ dự thầu	10.000.000	-
b) Dài hạn	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Cộng	101.423.010	2.230.583.095

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại 01/01/2015	127.880.000.000	32.580.364.800	52.076.099.804	212.536.464.604			
- Lãi trong năm	-	-	57.725.912.435	57.725.912.435			57.725.912.435
- Chia cổ tức 2014	-	-	(31.970.000.000)	(31.970.000.000)			(31.970.000.000)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển 2014	-	19.106.099.804	(19.106.099.804)				-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2015	-	-	(3.138.399.420)	(3.138.399.420)			(3.138.399.420)
- Thường HĐQT, Ban Kiểm soát từ lợi nhuận 2014	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)			(1.000.000.000)
- Tạm chia cổ tức năm 2015	-	-	(19.182.000.000)	(19.182.000.000)			(19.182.000.000)
- Thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2015	-	-	(540.000.000)	(540.000.000)			(540.000.000)
Tại 31/12/2015	127.880.000.000	51.686.464.604	34.865.513.015	214.431.977.619			
Tại 01/01/2016	127.880.000.000	51.686.464.604	34.865.513.015	214.431.977.619			
- Lãi trong năm	-	-	69.152.640.880	69.152.640.880			69.152.640.880
- Chia cổ tức năm 2015 (1)	-	-	(12.788.000.000)	(12.788.000.000)			(12.788.000.000)
- Tạm chia cổ tức năm 2016	-	-	(21.739.600.000)	(21.739.600.000)			(21.739.600.000)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển 2015 (1)	-	20.913.513.015	(20.913.513.015)				-
- Thường HĐQT, Ban Kiểm soát từ lợi nhuận 2015 (1)	-	-	(1.164.000.000)	(1.164.000.000)			(1.164.000.000)
- Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016	-	-	(3.734.896.668)	(3.734.896.668)			(3.734.896.668)
- Thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2016	-	-	(505.000.000)	(505.000.000)			(505.000.000)
Tại 31/12/2016	127.880.000.000	72.599.977.619	43.173.144.212	243.653.121.831			

(1) Công ty trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2016 ngày 26/05/2016 của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

18.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

Chủ sở hữu	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
Công ty Cổ Phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh	51%	65.220.800.000	51%	65.220.800.000
Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Tây Ninh	9%	12.000.000.000	9%	12.000.000.000
Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam	7%	8.459.600.000	7%	8.459.600.000
Cổ đông khác	33%	42.199.600.000	33%	42.199.600.000
Cộng	100%	127.880.000.000	100%	127.880.000.000

18.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	127.880.000.000	127.880.000.000
+ Vốn góp đầu năm	127.880.000.000	127.880.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	127.880.000.000	127.880.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	34.527.600.000	51.152.000.000

18.4 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2016 Cổ phiếu	Tại 01/01/2016 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.788.000	12.788.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.788.000	12.788.000
+ Cổ phiếu phổ thông	12.788.000	12.788.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.788.000	12.788.000
+ Cổ phiếu phổ thông	12.788.000	12.788.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

18.5 CÁC QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP

	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	72.599.977.619	51.686.464.604

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
a) Doanh thu	137.536.230.320	176.295.114.053
Doanh thu vận chuyển	134.534.449.960	117.672.246.369
Doanh thu quảng cáo	257.934.523	361.395.609
Doanh thu bán hàng hóa (Bia)	2.221.138.980	58.029.653.893
Doanh thu khác	522.706.857	231.818.182
b) Doanh thu với các bên liên quan	5.873.055.343	61.488.237.948
+ Công ty CP Du lịch - Thương mại Tây Ninh	4.078.359.888	60.478.847.039
+ Công ty CP Lữ hành Tây Ninh	1.794.695.455	1.009.390.909

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn hoạt động vận chuyển	23.639.360.123	23.828.668.346
Giá vốn hoạt động quảng cáo	35.069.040	73.182.729
Giá vốn bán hàng hóa (Bia)	2.218.747.320	57.970.380.537
Giá vốn hoạt động khác	461.455.857	46.943.258
Cộng	26.354.632.340	81.919.174.870

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	8.005.553.624	5.784.441.952
Cộng	8.005.553.624	5.784.441.952

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá thuê chuyên gia	-	15.833.749
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	1.136.714.249	-
Chi phí tài chính khác	78.672.727	-
Cộng	1.215.386.976	15.833.749

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thanh lý công cụ dụng cụ	363.636	1.818.182
Tiền điện các hộ kinh doanh	150.345.456	104.058.547
Tiền nước các hộ kinh doanh	67.981.820	31.643.183
Cho thuê vườn cây	24.525.529	29.929.016
Thu nhập khác	3.928	3.885
Cộng	243.220.369	167.452.813

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	11.189.850.007	8.243.383.821
- Chi phí lương cán bộ nhân viên	5.674.704.335	4.835.359.188
- Phụ cấp tiền công ngoài giờ	463.916.346	471.875.306
- Chi phí tham quan, nghỉ mát	864.735.000	-
- Chi phí bảo hiểm nhân thọ	736.047.258	-
- Chi phí quản lý khác	3.450.447.068	2.936.149.327
b. Các khoản chi phí bán hàng	20.510.412.724	18.047.731.165
- Chi phí lương cán bộ nhân viên	10.249.022.338	8.690.238.492
- Phụ cấp tiền công ngoài giờ	1.139.460.000	1.126.971.885
- Chi phí chăm sóc cây kiểng	1.153.892.726	1.400.454.545
- Chi phí dịch vụ môi trường rừng	1.351.810.390	-
- Chi phí dịch vụ xe ô tô	178.680.365	1.216.881.331
- Chi phí bán hàng khác	6.437.546.905	5.613.184.912
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu	4.240.718.234	2.441.387.640
Chi phí nhân công	21.512.490.851	18.817.162.758
Khấu hao tài sản cố định	19.175.816.264	19.069.331.675
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.173.977.720	4.025.449.035
Chi phí bằng tiền khác	7.951.892.002	5.477.487.302
Cộng	58.054.895.071	49.830.818.410

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	86.514.722.266	74.020.885.213
Điều chỉnh tăng các khoản thu nhập chịu thuế	578.905.996	128.819.495
- Chi phí không được trừ	287.520.000	47.172.873
- Chi phí phải trả	291.385.996	66.555.713
- Doanh thu chưa thực hiện	-	15.090.909
Điều chỉnh giảm các khoản thu nhập chịu thuế	(81.646.622)	(159.613.717)
- Chi phí phải trả năm trước	(66.555.713)	(53.980.000)
- Doanh thu chưa thực hiện năm trước	(15.090.909)	(105.633.717)
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	87.011.981.640	73.990.090.991
Thuế suất	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	17.402.396.328	16.277.820.018
Chi phí thuế TNDN hiện hành	17.402.396.328	16.277.820.018

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(58.277.199)	(17.962.257)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế TNDN hoãn lại	17.962.257	35.115.017
Cộng	(40.314.942)	17.152.760

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	69.152.640.880	57.725.912.435
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(3.734.896.668)	(3.138.399.420)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	12.788.000	12.788.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	5.116	4.269

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	69.152.640.880	57.725.912.435
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(3.734.896.668)	(3.138.399.420)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	12.788.000	12.788.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (CP)	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	5.116	4.269

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.9.

CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

	<u>Tại 31/12/2016</u>	<u>Tại 01/01/2016</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.278.885.154	6.644.760.935
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	122.208.000.000	85.700.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.074.835.039	4.874.996.028
Đầu tư khác	706.285.751	1.843.000.000
Cộng	<u>133.268.005.944</u>	<u>99.062.756.963</u>
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	1.135.146.750	3.841.740.158
Chi phí phải trả	291.385.996	66.555.713
Cộng	<u>1.426.532.746</u>	<u>3.908.295.871</u>

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua, bán các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua, bán các công cụ tài chính.

Rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp phòng ngừa rủi ro tỷ giá do thiếu thị trường mua, bán các công cụ tài chính này.

Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi. Tuy nhiên, Công ty không chịu rủi ro lãi suất do trong kỳ Công ty không có các khoản vay.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Công ty đang trong quá trình thực hiện các thủ tục bán các cổ phiếu đã đầu tư vào Công ty CP KS Hòa Bình Tây Ninh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đã tiến hành lập dự phòng rủi ro với các khách hàng có khả năng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng và có thể gây ra các tổn thất tài chính cho Công ty.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.135.146.750	-	1.135.146.750
Chi phí phải trả	291.385.996	-	291.385.996
Cộng	1.426.532.746	-	1.426.532.746
Tại 01/01/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	3,841.740.158	-	3,841.740.158
Chi phí phải trả	66.555.713	-	66.555.713
Cộng	3.908.295.871	-	3.908.295.871

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.278.885.154	-	7.278.885.154
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	122.208.000.000	-	122.208.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.074.835.039	-	3.074.835.039
Đầu tư khác	706.285.751	-	706.285.751
Cộng	133.268.005.944	-	133.268.005.944
Tại 01/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.644.760.935	-	6.644.760.935
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	85.700.000.000	-	85.700.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.874.996.028	-	4.874.996.028
Đầu tư khác	-	1.843.000.000	1.843.000.000
Cộng	97.219.756.963	1.843.000.000	99.062.756.963

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

Năm 2016	Kinh doanh vận chuyển	Kinh doanh quảng cáo	Kinh doanh bia	Dịch vụ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng	134.534.449.960	257.934.523	2.221.138.980	522.706.857	137.536.230.320
Tổng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	134.534.449.960	257.934.523	2.221.138.980	522.706.857	137.536.230.320
Chi phí bộ phận	(23.639.360.123)	(35.069.040)	(2.218.747.320)	(461.455.857)	(26.354.632.340)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	110.895.089.837	222.865.483	2.391.660	61.251.000	111.181.597.980
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	111.181.597.980
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	8.005.553.624
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(1.215.386.976)
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	(20.510.412.724)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	-	(11.189.850.007)
Thu nhập khác	-	-	-	-	243.220.369
Chi phí khác	-	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	(17.402.396.328)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	40.314.942
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	69.152.640.880
Tổng tài sản	-	-	-	-	253.365.718.209
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	9.712.596.378

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty (tiếp):

Năm 2015	Kinh doanh vận chuyển	Kinh doanh quảng cáo	Kinh doanh bia	Dịch vụ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	
Doanh thu thuần từ bán hàng	117.672.246.369	361.395.609	58.029.653.893	231.818.182	176.295.114.053
Tổng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	117.672.246.369	361.395.609	58.029.653.893	231.818.182	176.295.114.053
Chi phí bộ phận	(23.828.668.346)	(73.182.729)	(57.970.380.537)	(46.943.258)	(81.919.174.870)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	93.843.578.023	288.212.880	59.273.356	184.874.924	94.375.939.183
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	94.375.939.183
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	5.784.441.952
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(15.833.749)
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	(18.047.731.165)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	-	(8.243.383.821)
Thu nhập khác	-	-	-	-	167.452.813
Chi phí khác	-	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	(16.277.820.018)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	(17.152.760)
Lợi nhuận-sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	57.725.912.435
Tổng tài sản	-	-	-	-	225.804.060.914
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	11.372.083.295

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

32.1 NỢ TIỀM TÀNG

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

32.2 KHOẢN CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Cam kết thuê hoạt động được thể hiện ở các khoản thanh toán tiền thuê đất theo các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng thuê đất số 05/05HĐ-TĐ.ĐC ngày 26 tháng 5 năm 2008 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc thuê 2 khu đất, thời hạn 50 năm bắt đầu từ ngày 15 tháng 6 năm 2007, cụ thể:

+ Diện tích đất 19.093,8 m² tại ấp Phước Long 2, xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, đơn giá thuê đất từ mét thứ 1 đến mét thứ 100 là 2.786,875 VND/m²/năm; sau mét thứ 100, đơn giá thuê là 1.393,4375 VND/m²/năm;

+ Diện tích đất 266.041,1 m² tại ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Tân, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, đơn giá thuê đất từ mét thứ 1 đến mét thứ 100 là 1.564,0625 VND/m²/năm; sau mét thứ 100, đơn giá là 782,03125 VND/m²/năm.

- Hợp đồng thuê đất số 01/05/HĐ-TĐ ngày 8 tháng 5 năm 2009 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc thuê 13.242,4 m² đất tại xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh với thời hạn thuê 50 năm từ ngày 31 tháng 3 năm 2009, đơn giá thuê là 5.424 VND/m²/năm.

32.3 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Công ty không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

32.4 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan

- Cty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh
- Cty Cổ phần Lữ hành Tây Ninh
- Cty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh

Mối quan hệ

- Công ty mẹ
- Công ty có cùng Công ty mẹ
- Công ty liên kết của Công ty mẹ

Giao dịch với các bên liên quan

Cty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh

- Mua hàng
- Cổ tức đã trả
- Bán hàng

Cty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh

- Mua hàng

Cty Cổ phần Lữ hành Tây Ninh

- Mua hàng
- Bán hàng

Số dư với các bên liên quan

Cty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh

- Phải thu khách hàng
- Người mua trả tiền trước
- Phải thu khác
- Phải trả người bán
- Phải trả khác

Công ty CP Lữ hành Tây Ninh

- Phải thu khách hàng
- Trả trước người bán

Thu nhập Ban điều hành

Thù lao Hội Đồng Quản Trị và Ban kiểm soát

Trích thưởng

Tổng thu nhập Ban Giám đốc

Cộng

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
	<u> </u>	<u> </u>
	118.099.999	419.095.454
	17.609.616.000	26.088.320.000
	4.078.359.888	60.478.847.039
	38.181.818	129.072.727
	888.698.636	940.608.546
	1.794.695.455	1.009.390.909
	<u>Tại 31/12/2016</u> VND	<u>Tại 01/01/2016</u> VND
	436.318.000	1.106.509.656
	-	(1.576.423.184)
	-	766.700.333
	(444.325.000)	(82.000.000)
	-	(1.349.663.922)
	-	34.445.000
	-	-
	<u> </u>	<u> </u>
	610.000.000	540.000.000
	1.164.000.000	1.000.000.000
	1.419.301.833	1.302.884.256
	<u>3.193.301.833</u>	<u>2.842.884.256</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

32.5 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

32.6 QŨY LƯƠNG THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Kế hoạch VND	Thực hiện VND
Tổng doanh thu	131.500.000.000	137.536.230.320
Lợi nhuận trước thuế	76.000.000.000	86.514.722.266
Quỹ lương	13.327.684.872	15.044.586.673
Lương tháng 13	-	984.140.000
Lương ngoài giờ và các khoản phụ cấp	-	2.129.524.759
Cộng quỹ lương	13.327.684.872	18.158.251.432

32.7 MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	56,50	46,83
- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	43,50	53,17
1.2. Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	3,83	5,04
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	96,17	94,96
2. Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	14,74	9,30
- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	14,29	9,00
- Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,75	0,58
Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2015
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Doanh thu	%	62,90	41,99
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu	%	50,28	32,74
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản bình quân			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản bình quân	%	36,11	33,19
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân	%	28,86	25,88
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn CSH bình quân			
	%	30,19	27,04

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

32.8 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán.

Tây Ninh, ngày 22 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu

Lâm Thị Ngọc Châu

Kế toán trưởng

Trần Thị Song Giang

Giám đốc

Trần Trung Kiên

